

QUI CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Sửa đổi lần thứ nhất, ban hành kèm theo

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 02/2021/NQ-ĐHCD, ngày 06 tháng 04 năm 2021

I. MỤC ĐÍCH

Mục đích của Quy chế này nhằm tạo thuận lợi cho việc quản lý điều hành Công ty cổ phần dệt may đầu tư thương mại Thành Công (sau đây viết tắt là "**Công ty**"). Các vấn đề khác không được quy định trong Quy chế này sẽ áp dụng theo quy định Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty, Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.

II. ĐỊNH NGHĨA

- Trong Quy chế này, các thuật ngữ dưới đây được định nghĩa như sau:
 - "Chủ tịch Hội đồng quản trị (HĐQT)" là người được HĐQT bầu ra từ một trong số các thành viên HĐQT, là người triệu tập và chủ trì các cuộc họp HĐQT và Đại hội đồng cổ đông.
 - "Tổng giám đốc" là người chịu trách nhiệm điều hành công việc hàng ngày của Công ty với tư cách là người đại diện theo pháp luật của Công ty.
 - "Thành viên HĐQT điều hành" là những thành viên HĐQT nắm giữ chức vụ điều hành như: Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định của Điều lệ Công ty.
 - "Thành viên HĐQT không điều hành" là những thành viên HĐQT không phải là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định của Điều lệ Công ty.
 - "Thành viên độc lập HĐQT": là thành viên HĐQT đáp ứng tiêu chuẩn thành viên độc lập theo quy định Điều lệ Công ty và phù hợp với các quy định của Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán.
 - "Cán bộ quản lý" là những người giúp việc cho Tổng giám đốc trong việc điều hành hoạt động Công ty và do HĐQT bổ nhiệm tại từng thời điểm.
- Các thuật ngữ khác được sử dụng trong quy chế này có cùng nghĩa như quy định tại Điều lệ Công ty hoặc các văn bản pháp luật liên quan (nếu Điều lệ Công ty không quy định).

III. NỘI DUNG CỤ THỂ

- Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) có các quyền hạn theo quy định tại khoản 1, 2 điều 14 Điều lệ Công ty.
- HĐQT có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại khoản 3 điều 25 Điều lệ Công ty và phê chuẩn những vấn đề theo quy định tại khoản 4 điều 25 Điều lệ Công ty.
- Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị**
 - Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.

- b. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng Giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

4. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

- 4.1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.
- 4.2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty và các nghĩa vụ sau:
 - a. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty.
 - b. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận.
 - c. Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;
 - d. Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan đến thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
 - e. Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.
- 4.3. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.

5. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

- a. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty của đơn vị trong Công ty.
- b. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch và Phó Chủ tịch HĐQT

- a. Chủ tịch và Phó Chủ tịch HĐQT được bầu theo ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT;
- b. Nhiệm kỳ là một (01) năm và có thể được tái đắc cử;
- c. Chủ tịch HĐQT có thể tự nguyện từ chức hoặc bị miễn nhiệm theo ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT;
- d. Quyền hạn và nghĩa vụ của Chủ tịch HĐQT, Phó Chủ tịch HĐQT thực hiện theo qui định Điều lệ Công ty.

- e. Tổng giám đốc sẽ cung cấp những hỗ trợ cần thiết để giúp Chủ tịch HĐQT trong việc triệu tập và chủ trì các cuộc họp HĐQT cũng như họp ĐHĐCĐ.

7. Tổng giám đốc và Phó Tổng giám đốc

7.1. Tổng giám đốc

- a. Tổng giám đốc được bổ nhiệm theo ý kiến tán thành của 2/3 tổng số thành viên HĐQT;
- b. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc là ba (03) năm và có thể được tái bổ nhiệm.
- c. Tổng giám đốc có thể tự nguyện từ chức hoặc bị miễn nhiệm với ít nhất 2/3 tổng số thành viên HĐQT tán thành.
- d. Trường hợp Tổng giám đốc là thành viên HĐQT, khi từ nhiệm hoặc bị miễn nhiệm chức vụ Tổng giám đốc, tư cách thành viên HĐQT của người này vẫn được giữ nguyên.
- e. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ theo qui định tại Điều lệ Công ty.
- f. Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty và là người quyết định tất cả các vấn đề của Công ty ngoại trừ các vấn đề thuộc quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch HĐQT theo qui định Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán.
- g. Phạm vi công việc của Tổng giám đốc được qui định chi tiết tại khoản 3 điều 33 Điều lệ Công ty.

7.2. Phó Tổng giám đốc

- a. Phó Tổng giám đốc bổ nhiệm theo ý kiến tán thành của 2/3 tổng số thành viên HĐQT.
- b. Phó Tổng giám đốc có thể tự nguyện từ chức hoặc bị miễn nhiệm với ít nhất 2/3 tổng số thành viên HĐQT tán thành.
- c. Trường hợp Phó Tổng giám đốc là thành viên HĐQT, khi từ nhiệm hoặc bị miễn nhiệm chức vụ Phó Tổng giám đốc, tư cách thành viên HĐQT của người này vẫn được giữ nguyên.
- d. Phó Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ theo quyết định bổ nhiệm của HĐQT.

8. Thành viên HĐQT điều hành

- a. Là người được ĐHĐCĐ bầu chọn theo phương thức bầu dồn phiếu tại ĐHĐCĐ đồng thời có trách nhiệm tham gia điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty.
- b. Nhiệm kỳ là năm (05) năm và có thể được bầu lại.
- c. Thành viên này có thể tự nguyện từ chức hoặc bị miễn nhiệm với tỷ lệ tán thành trên 50% (năm mươi phần trăm) trở lên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại ĐHĐCĐ hoặc theo các hình thức biểu quyết khác của ĐHĐCĐ. Một cá nhân sẽ không còn tư cách của thành viên HĐQT bằng một Nghị quyết có hiệu lực của ĐHĐCĐ.
- d. Thành viên này tham gia điều hành Công ty thông qua các cuộc họp HĐQT và thực hiện những nhiệm vụ khác theo qui định của Điều lệ Công ty.
- e. Về nguyên tắc, thành viên này được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên HĐQT. Trường hợp thành viên thực hiện các nhiệm vụ khác nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên HĐQT, thành viên này có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần

trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị trên cơ sở đề nghị của Tổng giám đốc (qui định tại khoản 9 điều 25 Điều lệ Công ty).

9. Thành viên HĐQT không điều hành

- a. Là một thành viên HĐQT không tham gia vào bất cứ hoạt động hàng ngày nào của Công ty nhưng có mối liên quan nhất định đến Công ty và là người được ĐHĐCĐ bầu chọn theo phương thức bầu dồn phiếu tại ĐHĐCĐ.
- b. Nhiệm kỳ là năm (05) năm và có thể được bầu lại.
- c. Thành viên này có thể tự nguyện từ chức hoặc bị miễn nhiệm với tỷ lệ trên 50% (năm mươi phần trăm) trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại ĐHĐCĐ hoặc theo các hình thức biểu quyết khác của ĐHĐCĐ. Một cá nhân sẽ không còn tư cách của thành viên HĐQT bằng một Nghị quyết có hiệu lực của ĐHĐCĐ.
- d. Thành viên này tham gia điều hành Công ty thông qua các cuộc họp HĐQT.
- e. Trong trường hợp cần thiết, thành viên này có thể thực hiện một số công việc ủy quyền của Tổng giám đốc Công ty.
- f. Thành viên này có thể thông qua Thư ký HĐQT để yêu cầu Tổng giám đốc cung cấp thông tin, tài liệu liên quan. Nếu Tổng giám đốc xét thấy đây là yêu cầu cần thiết thì sẽ cung cấp. Trường hợp Tổng giám đốc không thể cung cấp thông tin, tài liệu theo yêu cầu, Tổng giám đốc sẽ giải thích lý do.
- g. Về nguyên tắc, thành viên này được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên HĐQT (qui định tại khoản 7 điều 25 Điều lệ Công ty).

10. Thành viên độc lập HĐQT

- a. Là thành viên HĐQT độc lập trong hành vi, cá tính, nhận định và không có mối liên hệ với Công ty, với công ty liên quan, với cổ đông lớn hoặc với cán bộ quản lý của Công ty và là người được ĐHĐCĐ bầu chọn theo phương thức bầu dồn phiếu tại ĐHĐCĐ.
- b. Nhiệm kỳ là năm (05) năm và có thể được bầu lại tuy nhiên tối đa không quá hai (02) nhiệm kỳ liên tục.
- c. Thành viên này có thể tự nguyện từ chức hoặc bị miễn nhiệm với tỷ lệ trên 50% (năm mươi phần trăm) trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại ĐHĐCĐ hoặc theo các hình thức biểu quyết khác của ĐHĐCĐ. Một người sẽ không còn tư cách của thành viên HĐQT bằng một Nghị quyết có hiệu lực của ĐHĐCĐ.
- d. Thành viên này tham gia điều hành Công ty thông qua các cuộc họp HĐQT.
- e. Thành viên này có thể thông qua Thư ký HĐQT để yêu cầu Tổng giám đốc cung cấp thông tin, tài liệu liên quan. Nếu Tổng giám đốc xét thấy đây là yêu cầu cần thiết thì sẽ cung cấp. Trường hợp Tổng giám đốc không thể cung cấp thông tin, tài liệu theo yêu cầu, Tổng giám đốc sẽ giải thích lý do.
- f. Về nguyên tắc, thành viên này được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên HĐQT (qui định tại khoản 9 điều 25 Điều lệ Công ty).

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

11. Cán bộ quản lý

- Cán bộ quản lý được Tổng giám đốc đề cử và được bổ nhiệm với ít nhất 50% (Năm mươi phần trăm) ý kiến tán thành của các thành viên HĐQT.
- Nhiệm kỳ của cán bộ quản lý theo hợp đồng lao động ký với Công ty.
- Các cán bộ quản lý, ngoại trừ Giám đốc tài chính (CFO) hoặc Kế toán trưởng, có thể bị miễn nhiệm theo quyết định của Tổng giám đốc, tuy nhiên việc miễn nhiệm này không trái với qui định pháp luật lao động hiện hành.
- Theo yêu cầu của Tổng giám đốc, cán bộ quản lý có thể tham dự họp HĐQT và báo cáo các vấn đề liên quan hoạt động của Công ty nhưng không có quyền biểu quyết.
- Các cán bộ quản lý có trách nhiệm làm việc vì sự phát triển của Công ty.
- Tổng giám đốc sẽ quyết định mức lương của các cán bộ quản lý. Riêng đối với Giám đốc tài chính (CFO) hoặc Kế toán trưởng, mức lương sẽ được HĐQT phê duyệt với ý kiến tán thành của đa số thành viên.

IV. Chế độ họp của HĐQT

- Hoạt động của HĐQT tuân thủ qui định pháp luật và Điều lệ Công ty.
- Việc họp định kỳ của HĐQT được qui định như sau:

Stt	Định kỳ	Thời điểm	Thành phần	Nội dung
1	Hàng năm	Trước thời điểm tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ	Thành viên HĐQT, thư ký HĐQT.	1. Công tác tổ chức, các tài liệu, nhân sự và các vấn đề khác liên quan đến việc tổ chức họp ĐHĐCĐ. 2. Báo cáo hoạt động Công ty và những kiến nghị trình HĐQT xem xét.
2	Hàng quý	Trong thời gian từ ngày thứ 10 đến ngày thứ 30 của tháng đầu quý tiếp theo	Thành viên HĐQT, thư ký HĐQT.	Các vấn đề thuộc thẩm quyền HĐQT.

- Trong trường hợp cần thiết, cuộc họp HĐQT bất thường có thể được tổ chức theo qui định tại khoản 3 điều 27 Điều lệ Công ty.
- Chủ tịch HĐQT chỉ đạo chuẩn bị các vấn đề đưa ra cuộc họp định kỳ để HĐQT xem xét, hoặc đệ trình ĐHĐCĐ phê duyệt. Trường hợp họp bất thường thì người triệu tập có trách nhiệm chuẩn bị chương trình, nội dung họp. Trường hợp bộ phận, cá nhân có các nội dung để đưa vào thảo luận tại cuộc họp, các nội dung đó phải được gửi đến HĐQT trước khi cuộc họp HĐQT bắt đầu để xem xét.
- Biên bản cuộc họp HĐQT sẽ được gửi đến từng thành viên HĐQT, trong thời hạn 3 ngày làm việc kể từ ngày gửi, nếu các thành viên HĐQT không có ý kiến thì xem như nhất trí.

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Nội dung cuộc họp HĐQT sẽ được Thư ký Công ty ghi âm và lưu trữ trong vòng 18 tháng kể từ ngày họp.

6. Nghị quyết, quyết định của HĐQT được thông qua và có hiệu lực thi hành ngay, khi được đa số thành viên (kể cả đại diện theo ủy quyền) dự họp chấp thuận. Nghị quyết HĐQT sẽ bao gồm tất cả các chữ ký của thành viên HĐQT (kể cả đại diện theo ủy quyền). Quyết định của HĐQT sẽ do Chủ tịch HĐQT ký.
7. Tùy theo tính chất từng cuộc họp, theo yêu cầu của các thành viên HĐQT, Chủ tịch HĐQT có thể mở rộng thêm thành phần dự họp.
8. Trường hợp lấy ý kiến bằng email, thành viên HĐQT sẽ biểu quyết qua email và có thể ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên HĐQT khác đại diện ký vào Nghị quyết của HĐQT.

V. MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị
 - a. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.
 - b. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế này.
 - c. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.
2. Mối quan hệ với Ban điều hành

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng Giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.
3. Mối quan hệ với Ủy ban kiểm toán
 - a. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ủy ban kiểm toán là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ủy ban kiểm toán theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.
 - b. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ủy ban Kiểm toán, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

VI. SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

1. Trong quá trình thực hiện, khi thấy cần thiết phải sửa đổi bổ sung Quy chế này cho phù hợp với hoạt động của Công ty, phù hợp với các qui định hiện hành của pháp luật thì các thành viên HĐQT có thể đề xuất với HĐQT để xem xét, quyết định sửa đổi.
2. Trong trường hợp các qui định của Điều lệ Công ty liên quan đến HĐQT thay đổi thì Quy chế này cũng sẽ phải được sửa đổi, bổ sung tương ứng cho phù hợp với các thay đổi trong Điều lệ Công ty.
3. Quyết định điều chỉnh sửa đổi, bổ sung Quy chế này sẽ có hiệu lực khi được đa số thành viên HĐQT dự họp chấp thuận. Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm công bố nội dung các sửa đổi, bổ sung Quy chế này trong vòng 3 ngày làm việc kể từ ngày được HĐQT chấp thuận thông qua.

Quy chế này được lập bằng tiếng Việt và dịch sang tiếng Anh, trường hợp có sự khác nhau giữa hai ngôn ngữ thì bản tiếng Việt được sử dụng làm căn cứ để giải thích.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)